

Số: /BC7N-TTBVTV

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 04 tháng 9 đến ngày 11 tháng 9 năm 2022)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết:

Nhiệt độ trung bình: 33⁰C Cao nhất: 36⁰C Thấp nhất: 32⁰C

Độ ẩm trung bình:..... Cao nhất:..... Thấp nhất:.....

Lượng mưa tổng số:.....

Số giờ nắng tổng số: 11 giờ (06h-17h)

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng:

a. Cây lúa:

Vụ	Diện tích KH (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Hè Thu 2022	15.679,1	Vào chắc-chín	1.945	
		Thu hoạch	13.808,7	13.808,7
Tổng			15.735,7	13.808,7

Vụ	Diện tích KH (ha)	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Mùa 2022	12.367	Sớm	Mạ-đẻ nhánh	413
		Chính vụ	Mạ	1.045,5
Tổng				1.458,5

b. Cây trồng khác:

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng (ha)
- Ngô (bắp)	Cây con	4.214,1	100
- Khoai các loại	Cây con	70,8	5
- Bobo	Cây con	250	10
- Mì		198,5	0
- Đậu phộng	Cây con	393	15
- Cây rau các loại	Cây con	2.700,2	120
- Cây đậu các loại	Cây con	1.430,4	50
- Cây ăn quả:			

+ Nho	Lá - trái, chín - TH	1.129	
+ Táo	Cắt cành-mang trái-TH	1.017	
- Cây hàng năm khác: (cây gia vị, dược liệu, cỏ chăn nuôi,...)	Nhiều GD	1.551,8	330

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN

1. Cây Lúa:

- Vụ Hè Thu: Bệnh lem lép hạt gây hại trên diện tích 10 ha giai đoạn trổ - chắc chín (*tỷ lệ 5-10%*), phân bố tại huyện Thuận Bắc.

- Vụ Mùa: đang xuống giống SVGH không đáng kể.

2. Cây Sắn: Bệnh Khảm lá gây hại trên diện tích 12 ha giai đoạn PTTL (*tỷ lệ 5-10%*), phân bố tại huyện Bác Ái.

3. Cây Nho:

- Bọ trĩ gây hại trên diện tích 05 ha (*tỷ lệ 5-10 %*), phân bố tại huyện Ninh Hải.

- Mốc sương gây hại trên diện tích 09 ha (*tỷ lệ 5-10%*), phân bố tại huyện Ninh Sơn, Ninh Hải.

- Thán thư gây hại trên diện tích 02 ha (*tỷ lệ 5-7%*), phân bố tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

4. Cây Táo: Ruồi đục quả gây hại trên diện tích 01 ha (*tỷ lệ 3-5%*), phân bố tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

5. Rau - đậu các loại: Bệnh thối nhũn/nha đam gây hại 03 ha (*tỷ lệ 3-5%*); phân bố tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Nhìn chung, trong tuần sinh vật gây hại phát sinh, gây hại ở mức độ nhẹ, nông dân đã chủ động phòng trừ theo hướng dẫn của cán bộ bảo vệ thực vật địa phương.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

- **Cây Lúa:** Lưu ý đối tượng chuột, bọ trĩ,... gây hại giai đoạn mạ-đẻ nhánh.

- **Cây Bắp:** Tiếp tục theo dõi sâu keo mùa thu gây hại.

- **Cây Táo:** Lưu ý đối tượng sâu đục trái, ruồi đục trái phát sinh gây hại ở giai đoạn mang trái - thu hoạch.

- **Cây Nho:** Bọ trĩ, bệnh mốc sương và thán thư tiếp tục gây hại giai đoạn cắt cành đến mang trái.

- **Cây Sắn:** Tiếp tục theo dõi bệnh Khảm lá gây hại.

- **Cây Rau, đậu các loại:** Tiếp tục theo dõi SVGH gây hại.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG

- Đối với diện tích lúa đã thu hoạch xong cần tiến hành cày bừa, phơi ải, vệ sinh đồng ruộng, thu dọn tàn dư để chuẩn bị sản xuất vụ Mùa 2022. Thực hiện tốt công tác gieo trồng theo văn bản số 2872/SNNPTNT-TTBVTV, ngày 11/8/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Thuận về việc “*Cơ cấu giống và thời vụ gieo trồng vụ Mùa 2022*”.

- Thực hiện công văn số 413/TTBVTV-BVTV ngày 22/8/2022 về việc “*Hướng dẫn thực hiện công tác Bảo vệ thực vật vụ Mùa 2022*”.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV miền Trung (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Lãnh đạo Chi cục (b/c);
- Phòng KT, NN&PTNT các huyện/tp (p/h);
- Các Trạm Trồng trọt và BVTV (t/h);
- Lưu HC, P.BVTV.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Dũng

Phụ lục:

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT GÂY HẠI
(Từ ngày 04/9/2022 đến ngày 11/9/2022)

S T T	Tên sinh vật gây hại	GDST của cây trồng	Mật độ, tỷ lệ (con/m ² , %)		Diện tích nhiễm (ha)					Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Tổng số	Nhẹ	TB	Nặng	Thiệt hại >70% NS		
I	Cây Lúa				10	10	0	0		10	
1	Lem lép hạt	Trổ - chắc chín	5-10%		10	10	0	0		10	TB
II	Cây Sắn				12	0	12	0		0	
1	Khảm lá sắn	PTTL	5-10%		12	0	12	0		0	BA
III	Cây Nho				16	16	0	0		16	
1	Bọ trĩ	Lá, trái	5-10%		05	05	0	0		05	NH
2	Mốc sương	Lá, trái	5-10%		09	09	0	0		09	NS,NH
3	Thán thư	Lá, trái	5-7%		02	02	0	0		02	PR
IV	Cây táo				01	01	0	0		01	
1	Ruồi đục quả	TH trái	3-5%		01	01	0	0		01	PR
V	Rau, đậu các loại				03	03	0	0		03	
1	Thối nhũn/nha đam	KD	3-5%		03	03	0	0		03	PR

Ghi chú: NS, PR, NH, BA, NP, TB: Ninh Sơn, Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Hải, Bác Ái, Ninh Phước, Thuận Bắc